MỘT SỐ THÁCH THỨC VỀ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG VÙNG CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT NON NƯỚC CAO BẰNG[1]

TS. Nguyễn Thị Tám
Viện Dân tộc học
Email: hongtam.ls89@gmail.com

Tóm tắt: *Để bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống gắn với du lịch, nguồn nhân lực tại địa phương giữ vai trò quan trọng hàng đầu và cũng là một trong những thách thức lớn tại các làng nghề, làng có nghề thủ công truyền thống ở vùng Công viên địa chất Non nước Cao Bằng, gồm: Nghề rèn ở xóm Pắc Rằng, nghề làm hương ở xóm Đoàn Kết, nghề làm giấy bản ở xóm Dìa Trên thuộc xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa; nghề làm đường phên ở Tổ dân phố 3, thuộc thị trấn Hòa Thuận, huyện Quảng Hòa; nghề dệt thổ cẩm Luống Nọi thuộc xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng; nghề làm miến dong ở xóm Phia Đén, thuộc xã Thành Công, huyện Nguyên Bình. Bài viết mang lại những thông tin cơ bản về nguồn nhân lực tại 6 làng có nghề thủ công này, đồng thời phản ánh những khó khăn, thách thức về nguồn nhân lực trong bảo tồn, phát triển nghề thủ công truyền thống, từ đó gợi ý một vài giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại các địa bàn nghiên cứu.*

Từ khóa: *Nguồn nhân lực, thách thức, bảo tồn và phát triển, nghề thủ công truyền thống, Công viên địa chất Non nước Cao Bằng.*

Abstract: *To preserve and develop traditional handicrafts associated with tourism, local human resources play a leading role and are one of the major challenges in craft villages. Traditional craft villages in Non Nuoc Cao Bang Geopark include: Pac Rang hamlet (blacksmithing), Doan Ket hamlet (incense making), and Dia Tren hamlet (Ban paper making) in Phuc Sen commune, Quang Hoa district; Residential Unit 3 (sugarcane making) in Hoa Thuan town, Quang Hoa district; Luong Noi village (brocade weaving) in Ngoc Dao commune, Ha Quang district; and Phia Den hamlet (vermicelli making) in Thanh Cong commune, Nguyen Binh district. This article provides an overview of the human resources in these six craft villages and reflects on the challenges of human resources in preserving and developing traditional crafts. Additionally, it proposes potential solutions to enhance the quality of human resources in these areas of study.*

[1] Bài viết là một phần kết quả của Dự án: *Bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống gắn với du lịch vùng Công viên địa chất Non nước Cao Bằng* (2021-2023), mã số: VINIF 09.2021.VHLS 04 do TS. Bùi Thị Bích Lan là Chủ nhiệm, Viện Dân tộc học chủ trì. Dự án được tài trợ bởi Vingroup và hỗ trợ bởi Quỹ Đổi mới, sáng tạo Vingroup (VINIF), Viện Nghiên cứu dữ liệu lớn.

Keywords: *Human resources, challenges, conservation and development, traditional crafts, Non nuoc Cao Bang Geopark.*

Ngày nhận bài: 22/04/2022; ngày gửi phản biện: 28/4/2023; ngày duyệt đăng: 28/6/2023

Mở đầu

Hiện nay, phát triển làng nghề và phát triển du lịch có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Làng có nghề thủ công truyền thống là một môi trường kinh tế - văn hóa - xã hội có tính chất lâu đời, nơi đó bảo tồn và lưu giữ những tinh hoa nghệ thuật, kỹ nghệ, kỹ thuật truyền từ đời này sang đời khác. Với những giá trị chứa đựng bên trong, vị thế và phong cảnh làng nghề thủ công truyền thống sẽ là các điểm du lịch lý thú cho khách du lịch, đặc biệt là khách quốc tế đến tham quan, tìm hiểu, trải nghiệm, thực hành văn hóa, mua sắm những sản phẩm thủ công tiêu biểu độc đáo của địa phương.

Thực tế cho thấy các nghề thủ công đã tạo việc làm cho lao động nông thôn, nâng cao mức sống cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo và đang dần trở thành một trong những nguồn tài nguyên du lịch quan trọng. Trong những năm gần đây, loại hình du lịch làng nghề truyền thống ở Việt Nam nói chung, các tỉnh miền núi nói riêng ngày càng hấp dẫn du khách, đặc biệt là du khách nước ngoài, bởi những giá trị văn hóa lâu đời, phương pháp và cách sáng tạo ra các sản phẩm thủ công đặc trưng. Bên cạnh những lợi ích về kinh tế, xã hội, hoạt động du lịch làng nghề còn góp phần bảo tồn và phát huy những bản sắc văn hoá độc đáo của địa phương, của dân tộc.

Giai đoạn trước đại dịch COVID-19, du lịch tỉnh Cao Bằng đã đạt được những thành tựu đáng kể, từng bước khẳng định là một trong những ngành kinh tế có vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế của địa phương. Một cơ hội lớn cho phát triển du lịch của tỉnh là vào ngày 12/4/2018, tại Kỳ họp lần thứ 204 tại Paris (Pháp), Hội đồng Chấp hành UNESCO đã thông qua Nghị quyết, công nhận Công viên địa chất Non nước Cao Bằng là Công viên địa chất toàn cầu. Với danh hiệu này, Công viên địa chất Non nước Cao Bằng trở thành địa danh thứ hai ở Việt Nam được vinh danh, sau Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Ngay sau khi được công nhận danh hiệu, lượng khách quốc tế đến tỉnh Cao Bằng năm 2019 đã tăng mạnh, gấp 1,54 lần so với năm trước (Quốc Đạt, 2019). Đến hết quý I năm 2022, tổng lượt khách đến Cao Bằng đạt 121.236 lượt, bằng 83,3% so với cùng kỳ, trong đó, khách du lịch quốc tế ước đạt 204 lượt; khách du lịch nội địa đạt 121.032 lượt; tổng thu du lịch đạt 42,8 tỷ đồng, tăng 91,4% so với cùng kỳ (La Ngà, Kim Dung, 2022). Kết quả phục hồi sau đại dịch COVID - 19 đã giúp lãnh đạo và người dân địa phương có thêm quyết tâm thực hiện mục tiêu xây dựng tỉnh Cao Bằng trở thành trung tâm du lịch của các tỉnh Trung du, miền núi phía Bắc trong tương lai gần. Tuy nhiên, sự phát triển nghề và du lịch làng nghề tỉnh Cao Bằng cũng đang phải đối mặt với rất nhiều thách thức, trong đó có khó khăn về nguồn nhân lực.

Trong năm 2022 và 2023, chúng tôi đã thực hiện khảo sát thực địa tại sáu làng (xóm) có nghề thủ công truyền thống, trong đó ba làng đã được công nhận là làng nghề: làng rèn Pắc Rằng, làng hương Phia Thắp (xóm Đoàn Kết), làng giấy bản Dìa Trên đều thuộc xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa; ba làng có nghề thủ công truyền thống nhưng chưa được công nhận bao gồm: làng sản xuất đường phên Bó Tờ (Tổ dân phố 3, thị trấn Hòa Thuận, huyện Quảng Hòa), làng dệt thổ cẩm Luống Nọi (xóm Luống Nọi, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng), làng miến dong Phia Đén (xóm Phia Đén, xã Thành Công, huyện Nguyên Bình). Bằng phương pháp điền dã dân tộc học và điều tra 600 phiếu hỏi người lao động tại các địa bàn khảo sát, chúng tôi đã thu thập những thông tin cơ bản về nguồn nhân lực, làm rõ một số khó khăn, thách thức về nguồn nhân lực trong bảo tồn, phát triển nghề thủ công truyền thống, từ đó gợi ý một vài giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại các địa bàn này.

1. Đôi nét về các nghề thủ công truyền thống ở địa bàn nghiên cứu

- Nghề rèn ở xóm Pắc Rằng, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa

Xóm Pắc Rằng nằm ở ven quốc lộ 3, nơi có nghề rèn truyền thống nổi tiếng của người Nùng An. Nghề rèn ở đây vốn lưu truyền từ đời cha ông, với những bí kíp và kỹ thuật rèn dao được giữ kín bởi các thợ rèn địa phương. Không chỉ đem lại nguồn thu nhập quan trọng cho người dân, nghề thủ công này còn góp phần duy trì và phát triển di sản văn hoá tộc người. Với ý nghĩa lịch sử, văn hóa quan trọng trong đời sống người Nùng An, ngày 29/1/2019, Bộ Văn hóa -Thể thao và Du lịch đã có Quyết định số 446/QĐ-BVHTTDL công nhận nghề rèn của người Nùng An, xã Phúc Sen là Di sản Văn hóa phi vật thể quốc gia (Hoàng Thiệp, 2020).

- Nghề làm hương ở xóm Đoàn Kết, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa

Đoàn Kết (tên gọi cũ trước năm 2020 là Phia Thắp) là một xóm nhỏ có 51 hộ dân tộc Nùng ở xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa. Ngoài làm nông nghiệp, người dân nơi đây luôn giữ gìn và phát huy nghề làm hương có từ lâu đời. Hương ở xóm Đoàn Kết hoàn toàn không dùng hóa chất, bà con vào rừng hái lá cây *bầu hắt* mọc tự nhiên bên những vách đá, đem về phơi khô, tán nhỏ và dùng làm chất keo kết dính tự nhiên giữa các loại bột với que hương. Xóm Đoàn Kết có cảnh quan thiên nhiên khá đẹp, cộng thêm sự độc đáo của nghề làm hương nên nhiều năm qua đã trở thành điểm thu hút được nhiều khách du lịch nhất của xã Phúc Sen (Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa, 2023).

- Nghề làm giấy bản ở xóm Dìa Trên, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa

Giấy bản trong tiếng Nùng còn gọi là *chỉa sla*, được dùng chủ yếu trong đời sống tâm linh, phục vụ cho các dịp lễ Tết hằng năm. Để làm ra tờ giấy bản, người thợ thủ công phải tốn nhiều thời gian, công sức, trải qua nhiều công đoạn. Nghề làm giấy bản đang được người Nùng An bảo tồn và phát huy, đem lại thu nhập ổn định. Cũng như nhiều nghề thủ công khác, làm giấy bản đòi hỏi sự tỉ mỉ, kiên trì, khéo léo trong từng công đoạn sản xuất. Từ việc gìn

giữ và phát triển nghề truyền thống, xóm Dìa Trên hiện nay đang trở thành điểm đến của nhiều du khách thập phương.

- Nghề làm đường phên ở Tổ dân phố 3, thị trấn Hòa Thuận, huyện Quảng Hòa

Tổ dân phố 3 (tên gọi cũ trước năm 2020 là xóm Bó Tờ) được biết đến là cái nôi của nghề truyền thống mía đường trong vùng. Làng nghề có từ những năm 50 của thế kỷ XX, xuất phát từ thực tế Quảng Hòa là một trong những huyện có diện tích trồng mía lớn nhất tỉnh Cao Bằng. Hàng năm, vào thời điểm từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, người Nùng ở đây tiến hành thu hoạch mía, chế biến thành đường phên, phục vụ nhu cầu của người dân trong huyện và khắp các huyện, tỉnh lân cận. Đường phên Bó Tờ có màu vàng óng, hương vị thơm, ngọt đậm đà không nơi nào có được.

- Nghề làm miến dong ở xóm Phia Đén, xã Thành Công, huyện Nguyên Bình

Nghề làm miến dong ở huyện Nguyên Bình không biết có từ bao giờ, chỉ biết rằng đến khoảng những năm 80 của thế kỷ XX, nghề này đã phát triển mạnh (Lê Chí Thanh, 2018). Nằm ở độ cao trên 1.000m, xóm Phia Đén có khí hậu mát mẻ, nhiệt độ trung bình năm là 20^0C cùng nguồn thổ nhưỡng thuận lợi cho cây dong riềng sinh trưởng và phát triển. Loại cây này là chính là nguyên liệu làm nên đặc sản miến dong Phia Đén Cao Bằng. Không giống miến ở các vùng khác, miến dong Phia Đén được làm từ 100% tinh bột dong riềng, với kỹ thuật và bàn tay khéo léo từ lâu đời của người làm nghề mà loại miến này có thể nấu đi nấu lại nhưng sợi không hề nát. Năm 2020, sản phẩm miến của Hợp tác xã Nông sản Tân Việt Á được công nhận sản phẩm ba sao OCOP cấp tỉnh; được xác lập quyền sở hữu công nghiệp, góp phần nâng cao thương hiệu, giúp sản phẩm miến Phia Đén đến được với nhiều chuỗi cửa hàng thực phẩm sạch tại nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước.

- Nghề dệt thổ cẩm ở xóm Luống Nọi, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng

Nghề dệt thổ cẩm truyền thống của người Tày nơi đây đã có từ hàng trăm năm, nhưng hiện xóm Luống Nọi chỉ còn 30 hộ duy trì. Những người thợ còn gắn bó với nghề chỉ vì sự đam mê, muốn gìn giữ nghề cho thế hệ sau và tạo thêm thu nhập cho gia đình lúc nông nhàn. Hiện tại, nghề dệt nơi đây còn giữ khá nguyên bản kỹ thuật lẫn công cụ dệt, với trên 20 khung cửi truyền thống. Trước kia, những người phụ nữ Tày ở xóm Luống Nọi chỉ dệt vải, may đồ phục vụ nhu cầu của gia đình. Những năm gần đây, nhu cầu về mặt hàng lưu niệm thổ cẩm của khách du lịch tăng cao. Để bắt kịp xu hướng của thị trường, một số người thợ trong xóm đã tự nghiên cứu, thiết kế thêm nhiều dạng hoa văn mới để dệt túi sách, bùa may mắn, khăn, mặt gối, mặt chăn, ga, thảm trải ghế, trải giường, địu, váy dân tộc… nhằm đa dạng hóa các sản phẩm. Đến nay, sản phẩm thổ cẩm của nghệ nhân Nông Thị Thược trong xóm Luống Nọi đã được mang đi quảng bá trong các hội chợ cả nước và một số quốc gia trong mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu. Từ đây, sản phẩm thổ cẩm truyền thống của dân tộc Tày ở tỉnh

Cao Bằng đã ghi dấu ấn như một thương hiệu tiêu biểu. Đây là điểm thu hút, gây ấn tượng tốt đẹp cho khách du lịch khi đến tham quan, khám phá và trải nghiệm.

Nhận thức được vai trò, vị trí của phát triển ngành nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch, chính quyền các cấp - nơi có các làng nghề, làng có nghề thủ công nói trên đã đưa việc bảo tồn, phát huy các nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch của địa phương vào trong nội dung các Nghị quyết, kế hoạch hàng năm. Hiện tại, các địa bàn khảo sát của nghiên cứu này đã được lựa chọn trở thành điểm dừng chân của một trong 03 tuyến tham quan chính thuộc Công viên địa chất Non nước Cao Bằng với tên gọi *"Trải nghiệm văn hóa bản địa ở xứ sở thần tiên"*.

2. Thực trạng nguồn nhân lực tham gia làm nghề và phục vụ du lịch

Lao động tham gia sản xuất làm nghề và phục vụ du lịch tại các điểm khảo sát hiện nay chủ yếu ở độ tuổi từ 20-50, có khả năng kế thừa được trình độ kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất, đó là vốn quý để sản phẩm làm ra có giá trị cao, mang đậm bản sắc văn hóa tộc người. Theo kết quả điều tra bảng hỏi của đề tài, tỷ lệ người dân ở 6 điểm khảo sát từ 18 - 45 tuổi biết đọc, biết viết tiếng phổ thông là 82,2%, đây là điều kiện thuận lợi khi triển khai các chương trình đào tạo.

Bên cạnh những làng nghề có tiềm năng phát triển và có số lượng lao động tham gia làm nghề đông đảo như nghề rèn, nghề giấy, nghề hương thì ở một số điểm khảo sát, nhất là nghề dệt thổ cẩm ở xóm Luống Nọi, số hộ và nhân khẩu lao động làm nghề còn khá khiêm tốn dù đã được đầu tư, khai thác để phục vụ du lịch (xem Bảng 1). Lý do chính là nhiều người dân, nhất là giới trẻ khi không thấy được tiềm năng phát triển nghề đã chuyển sang các ngành nghề khác cho thu nhập cao và ổn định hơn. Những nghề còn được nhiều hộ duy trì là do có sản phẩm độc đáo, đặc trưng, khả năng cạnh tranh trên thị trường cao.

Bảng 1: Số hộ và số lao động tham gia sản xuất nghề thủ công ở các điểm khảo sát

	Pắc Rằng	Đoàn Kết	Dìa Trên	Luống Nọi	Tổ dân phố 3	Phia Đén
Tổng số hộ trong thôn (hộ)	65	51	65	83	150	52
Số hộ tham gia nghề (hộ)	40	48	55	30	85	20
Tổng số nhân khẩu trong thôn (người)	283	229	270	307	550	210
Số nhân khẩu tham gia nghề (người)	100	114	93	30	180	40

Nguồn: Số liệu thống kê do địa phương cung cấp, 2022-2023.

Do đặc thù công việc, các xưởng sản xuất tại xóm Pắc Rằng, Tổ dân phố 3, xóm Phia Đén, xóm Đoàn Kết đa phần có sự tham gia quản lý của cả nữ và nam, trong đó 92% chủ cơ sở là nam giới, riêng làng dệt thổ cẩm Luống Nọi và làng giấy bản Dìa Trên thì 100% chủ cơ sở là nữ giới. Chủ cơ sở sản xuất là người có tư cách pháp nhân trong các giao dịch mua bán. Với những cơ sở sản xuất mà chủ là nam giới, người vợ dù được tham gia cùng chồng ở tất cả các khâu quản lý, sản xuất và mua bán nhưng nam giới mới là người có quyền ra quyết định. Mặc dù vai trò của nữ giới đã được cải thiện tại các cơ sở sản xuất thủ công truyền thống nhưng vẫn còn tồn tại những định kiến nhất định về năng lực làm việc của nữ so với nam giới. Trong khi đó, nữ giới có điểm mạnh là sự cần cù, chịu khó và kiên nhẫn, rất phù hợp với đặc thù nghề thủ công.

Về trình độ tay nghề và kỹ năng phục vụ du lịch, có thể chia thành hai nhóm rõ rệt: nhóm lao động không thường xuyên, thiếu kỹ năng trong sản xuất, không hoặc ít có đào tạo bài bản; còn lại là nhóm lao động thường xuyên, tay nghề cao, thường được tham gia những khóa học ngắn hạn về bồi dưỡng nâng cao năng lực chế tác những sản phẩm thủ công phục vụ khách du lịch hoặc những lớp đào tạo nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch… Tuy nhiên, khảo sát mặt bằng chung tại các điểm nghiên cứu cho thấy vấn đề nguồn nhân lực vẫn còn nhiều khó khăn, nhất là trong bối cảnh bảo tồn và phát triển nghề truyền thống.

3. Một số khó khăn, thách thức về nguồn nhân lực trong bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống

3.1. Thiếu đội ngũ kế thừa

Mỗi nghề thủ công truyền thống đều có đội ngũ nghệ nhân, thợ thủ công giỏi, có trình độ tay nghề cao. Họ là những người tâm huyết và gắn bó với nghề, đặc biệt quan trọng trong việc truyền nghề, dạy nghề, đồng thời là người sáng tạo những sản phẩm độc đáo. Tuy nhiên, tình trạng thiếu lao động làm nghề giàu kinh nghiệm, có trình độ và tâm huyết khá phổ biến, không chỉ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, do nhiều lao động đang chuyển dịch sang các ngành nghề khác.

Ở các điểm nghiên cứu, hầu hết chủ hộ sản xuất chưa được đào tạo về quản trị kinh doanh và thiếu kiến thức về thị trường. Hầu hết các nghề này chưa có thợ tạo mẫu và thợ có tay nghề tinh xảo đáp ứng yêu cầu thẩm mỹ ngày càng cao của người tiêu dùng, khiến sản phẩm làm ra chưa đa dạng về mẫu mã, thiếu sức cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại trong nước và quốc tế, dẫn đến tình trạng nghề có thể duy trì nhưng không thể phát triển mạnh mẽ.

Trong phát triển du lịch làng nghề, đội ngũ lao động trẻ vừa thạo tay nghề, vừa làm hướng dẫn viên du lịch tại điểm đến để giới thiệu sản phẩm, văn hóa làng nghề là cần thiết và quan trọng. Họ cũng có ưu thế hơn trong việc áp dụng khoa học, công nghệ hiện đại nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng của sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường và hướng tới những sản phẩm du lịch. Tuy nhiên, đội ngũ này ở các điểm nghiên cứu

còn rất hạn chế, cả về số lượng và chất lượng. Tâm lý chung của nhóm lao động trẻ là thích làm việc trong môi trường năng động, hiện đại, công nghệ tiên tiến và quan hệ xã hội được mở rộng. Ví dụ điển hình ở nghề làm hương xóm Đoàn Kết, khi bước vào tham quan ngôi làng, chúng tôi chỉ thấy bóng dáng người trung niên, cao niên đang làm nghề hay những em nhỏ còn đang đi học phụ giúp gia đình công việc phơi hương và thu hương, còn lại thanh niên trong làng đa phần đi làm công nhân tại các khu công nghiệp ở tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh hoặc tại nhà hàng, tiệm làm đẹp ở các thành phố lớn. Một số nghề đòi hỏi tính thẩm mỹ và kỹ thuật khéo léo như nghề dệt thổ cẩm ở xóm Luống Nọi cũng chưa thu hút được lực lượng lao động trẻ. Để có được những sản phẩm tiêu biểu, mang đặc trưng văn hóa tộc người, đáp ứng nhu cầu của thị trường, người làm nghề cần trải qua một quá trình học hỏi lâu dài, bền bỉ, vì vậy, nhiều người, đặc biệt là thế hệ trẻ không đủ kiên nhẫn để học nghề. Không những vậy, nghề dệt thổ cẩm chưa đem lại thu nhập ổn định và tương xứng với công sức của người lao động. Đây là một trong các nguyên nhân dẫn đến việc hầu hết các làng nghề hiện vẫn phát triển manh mún, nhỏ lẻ, chưa đáp ứng được những đơn hàng yêu cầu lớn về số lượng, chủng loại, đòi hỏi nghiêm ngặt về thời gian giao hàng và giá thành khó cạnh tranh với những sản phẩm cùng loại được sản xuất bằng công nghệ hiện đại.

Một người dân ở xóm Đoàn Kết - nơi có nghề làm hương truyền thống chia sẻ: "*Trên 80% người lao động hiện đang làm hương là thuộc thế hệ bố mẹ, ông bà, đã gắn bó nhiều năm với nghề, còn lớp trẻ đều đi làm tại các công ty ngoài tỉnh, xuất khẩu lao động. Thanh niên gắn bó với nghề truyền thống hiện ít lắm*". Tại xóm Pắc Rằng, một số hộ có thu nhập tốt từ nghề thủ công đều có dự định mở rộng quy mô nhà xưởng để sản xuất số lượng lớn, đáp ứng nhu cầu thị trường. Tuy nhiên, một trong những trở ngại lớn của các hộ này là không tìm được nhân lực lao động. Khi được hỏi về vấn đề này, trưởng thôn Pắc Rằng cho biết: "*Thợ có tay nghề trong thôn thì họ đã mở xưởng làm riêng, chứ không ai đi làm thuê cho người khác. Đa phần họ ngại phụ thuộc, đúng giờ giấc và mệt thì nghỉ, thích thì làm, không ai thúc giục hoặc tạo áp lực cho họ cả"*. Một số xưởng lớn trong làng nghề vẫn phải thuê thêm nhân công, mà chủ yếu chỉ có thanh niên trong thôn đi làm thuê, song đội ngũ này làm việc không lâu dài, chủ xưởng mất công sức đào tạo nghề cho họ nhưng làm được mấy tháng lại xin nghỉ: "*Thuê thanh niên ở đây phức tạp lắm, nhiều khi mình phải chạy theo họ bởi vì họ làm được một thời gian ngắn kiếm tiền tiêu, chơi bi a, uống bia với bạn bè xong là nghỉ. Có những tuần nhiều đơn đặt hàng mà họ xin nghỉ liên tục ảnh hưởng đến tiến độ công việc. Thế nên muốn mở rộng quy mô xưởng, muốn làm lớn cũng khó có nhân lực tham gia"* (PVS, Nam, sinh năm 1975, xóm Pắc Rằng, dân tộc Nùng).

3.2. Chế độ đãi ngộ với thợ giỏi nghề chưa thỏa đáng

Khảo sát tại các làng nghề thủ công của tỉnh Cao Bằng cho thấy, không ít người thợ giỏi chưa được công nhận nghệ nhân hoặc chưa được nhận các chế độ đãi ngộ khác, mặc dù họ đang nắm tri thức về nghề, vẫn đang từng ngày giữ gìn, bảo tồn và phát huy các di sản văn

hóa dân tộc tại các xóm, làng. Công tác xét duyệt và phong tặng danh hiệu nghệ nhân cho những người thực sự xứng đáng vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Hiện tại, nhiều người thợ giỏi vẫn đang phải chờ đợi sự quan tâm từ phía các cơ quan chức năng, trong khi tuổi mỗi ngày một cao. Trong 6 làng khảo sát chỉ có bà Nông Thị Thược tại làng dệt thổ cẩm xóm Luống Nọi, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng được phong tặng nghệ nhân và một số danh hiệu cao quý. Gia đình bà đã theo nghề dệt truyền thống được bốn thế hệ. Bà cũng là người dệt thổ cẩm dân tộc Tày đầu tiên ở tỉnh Cao Bằng được Hiệp hội Làng nghề Việt Nam phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân Làng nghề Việt Nam" vào năm 2014. Năm 2016, gia đình bà Thược được Hiệp hội Làng nghề Việt Nam vinh danh "Bảng vàng gia tộc nghề truyền thống Việt Nam". Năm 2018, sản phẩm thổ cẩm của bà Thược được tặng danh hiệu "Sản phẩm thủ công mỹ nghệ làng nghề tiêu biểu Việt Nam"… Những danh hiệu đó góp phần tôn vinh giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, đồng thời cũng là nguồn động lực thúc đẩy thế hệ tương lai cùng chung tay lưu giữ và phát triển nghề dệt thổ cẩm truyền thống của người Tày. Trong khi năm làng còn lại có không ít những người thợ giỏi, tâm huyết với nghề thì đến hiện tại, vẫn chưa có ai được phong tặng danh hiệu nghệ nhân, phản ánh phần nào sự thiếu quan tâm của chính quyền địa phương trong vấn đề này. Nguyên nhân được lãnh đạo thôn, xã lý giải là khi làm hồ sơ cho các nghệ nhân còn gặp một số khó khăn vì cần củng cố đầy đủ hình ảnh, tư liệu để hoàn thiện hồ sơ. Mặt khác một số người nếu làm hồ sơ có khả năng đạt danh hiệu "Thợ giỏi", còn danh hiệu "Nghệ nhân" rất khó đạt vì tiêu chí đòi hỏi cao. Thực tế từ trước đến nay, các ngành ở cấp tỉnh, các doanh nghiệp rất ít tổ chức cuộc thi để tôn vinh những người thợ giỏi, thiếu sự chỉ đạo để cho các cá nhân tham gia những cuộc thi, hội chợ trong nước cũng như trong tỉnh, nên các sản phẩm do thợ giỏi làm ra hiếm khi được nhận các giải vàng, giải bạc, giải đồng - một trong những cơ sở quan trọng để xét tặng danh hiệu nghệ nhân. Vì vậy, khi xét tặng nghệ nhân sẽ không có nhiều đối tượng đáp ứng được tiêu chuẩn.

3.3. Sự hạn chế của người dân về năng lực sản xuất, kinh doanh và phục vụ du lịch

Mặc dù có sự cố gắng nhưng đa phần người dân vẫn ít có khả năng đổi mới, sáng tạo trong thiết kế mẫu mã, chất liệu sản phẩm để đáp ứng sự thay đổi của thị trường và thị hiếu người tiêu dùng. Đa số sản phẩm thủ công vẫn được sản xuất theo mẫu cũ, ít được cải tiến, sáng tạo. Việc hạn chế về năng lực quản lý và kinh doanh cũng là một trở ngại trong phát triển các nghề truyền thống gắn với du lịch ở các điểm nghiên cứu hiện nay. Trong các điểm khảo sát, làng nghề rèn Pắc Rằng chỉ có một cơ sở sản xuất ở đầu làng có tủ trưng bày sản phẩm, vì thế khách du lịch khi vào tham quan các cơ sở sản xuất tại làng nghề chỉ được xem quy trình sản xuất. Nếu muốn mua sản phẩm thì phải đặt hàng lấy sau hoặc ra các cửa hàng dọc đường quốc lộ, điều này làm ảnh hưởng đến nguồn thu trong phục vụ du lịch của người dân làng nghề. Bên cạnh đó, một số thanh niên tại làng làm rèn, làm đường, làm miến dong đã biết cách bán hàng trực tuyến để mở rộng thị trường tiêu thụ ra các tỉnh thành trong cả nước,

tuy nhiên, kênh tiêu thụ này chưa được phát huy hiệu quả do những hạn chế về năng lực kinh doanh online (kỹ năng chăm sóc khách hàng, chạy quảng cáo, đăng bài,…). Việc đăng ký thương hiệu hàng hóa và kiểu dáng sản phẩm của các nghề truyền thống chưa được người dân quan tâm đầu tư, dẫn đến việc bị "ăn cắp" thương hiệu và hàng nhái tràn lan trên thị trường như sản phẩm miến dong Phia Đén hay dao Phúc Sen.

Bên cạnh đó, một bộ phận người dân cũng chưa đủ năng lực để cung cấp cho khách du lịch những trải nghiệm tốt khi đến thăm làng. Không gian xưởng sản xuất hoặc nơi để sản phẩm của các hộ dân đôi khi không đủ sạch sẽ và gọn gàng, như tình trạng que hương được phơi ngay trên những chỗ đất gần khu vực chuồng trại chứa đầy chất thải chăn nuôi ở làng hương xóm Đoàn Kết, khiến du khách không cảm thấy hài lòng khi đến thăm và mua hàng, nhất là sản phẩm lại được dùng trong mục đích tâm linh. Nếu chứng kiến tận mắt quy trình sản xuất như vậy, chắc chắn du khách sẽ băn khoăn khi quyết định mua sản phẩm.

Người dân tại các làng khảo sát đa phần chưa có nhiều kinh nghiệm và kỹ năng trong lĩnh vực dịch vụ du lịch, vì vậy, khi tiếp xúc với du khách, thái độ của họ còn e dè, ngại tương tác. Đặc biệt khi có những đoàn khách du lịch quốc tế - cơ hội để quảng bá sản phẩm của mình ra thế giới nhưng vì rào cản ngôn ngữ, thiếu tự tin và thiếu kỹ năng giao tiếp nên người dân không trực tiếp giới thiệu được văn hóa làng nghề cho du khách.

Trong thời gian khảo sát tại xóm Pắc Rằng, chúng tôi chứng kiến ba nhóm du khách người Pháp, Anh và Hàn Quốc theo chân hướng dẫn viên của một công ty du lịch ở Hà Nội đến tham quan. Khi qua các cơ sở sản xuất, du khách được nghe giới thiệu về làng nghề, về sản phẩm chủ yếu qua lời của hướng dẫn viên du lịch, rất ít có hoạt động tương tác giữa khách và người dân làm nghề. Ba nhóm khách đó không ai mua sản phẩm nào từ làng rèn, bởi vậy người dân không có thu nhập từ hoạt động này. Việc hướng dẫn viên tại điểm không phải là người dân làng nghề chắc chắn đã làm giảm bớt sự thú vị và ấn tượng trong quá trình trải nghiệm của du khách. Một số chương trình tập huấn kỹ năng phục vụ du lịch cho người dân ở các điểm khảo sát đã được Công viên địa chất Non nước Cao Bằng quan tâm, tổ chức, song chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Theo chúng tôi, nguyên nhân chủ yếu ở đây là do thời gian đào tạo ngắn, ít có cơ hội thực hành, tâm lý ngại va chạm/tiếp xúc của người dân.

Bên cạnh đó, phần lớn các hộ gia đình sản xuất tại các làng nghề truyền thống quan tâm đến thị trường tiêu dùng thuần túy. Việc tạo ra những sản phẩm đẹp mắt, xây dựng không gian trình diễn và trưng bày phù hợp để thu hút khách du lịch đến với làng nghề chưa được chú trọng. Một vài hộ ở làng giấy bản Dìa Trên vừa được Công viên địa chất Non nước Cao Bằng cho đi tham quan, học hỏi, vừa tự tìm tòi đã chế tác ra những sản phẩm có mẫu mã mới để bán cho khách du lịch từ nguyên liệu giấy bản, tuy nhiên số lượng không nhiều và chưa đem lại cơ hội cho các hộ sản xuất khác.

3.4. Sự thiếu hụt về đội ngũ cán bộ địa phương có chuyên môn về du lịch

Cán bộ ngành Văn hóa tại địa phương còn chưa đáp ứng nhiệm vụ phát triển du lịch khi hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng và yêu cầu phát triển nền kinh tế tri thức. Số lượng nhân lực còn ít, cơ cấu chưa đồng bộ và năng lực thực tiễn chưa tương xứng với bằng cấp. Nhân lực có trình độ chuyên môn du lịch chưa nhiều và ngày càng thiếu những cán bộ làm nòng cốt về bảo tồn văn hóa gắn với phát triển du lịch. Khảo sát tại một số huyện, xã, chúng tôi được biết, lãnh đạo địa phương rất trăn trở về hiện trạng khó khăn trong việc thu hút, tuyển dụng cán bộ công chức có chuyên môn du lịch: "*Cả phòng văn hóa huyện không có cán bộ nào học ngành du lịch cả, vì vậy khi có những chủ trương bảo tồn văn hóa gắn với phát triển du lịch, chúng tôi thường gặp khó khăn để triển khai, đa phần tự mày mò, học hỏi trên các phương tiện thông tin và qua các chuyến tập huấn, trao đổi tại địa phương khác để áp dụng tại địa phương mình*" … "*Huyện muốn thu hút, tuyển dụng viên chức có chuyên môn du lịch về Phòng Văn hóa để làm công tác bảo tồn di sản văn hóa gắn với du lịch, tuy nhiên, rất khó tìm người phù hợp vì lương viên chức mới tuyển dụng là hơn 3 triệu đồng/tháng, trong khi đi làm hướng dẫn viên du lịch theo tour thì 2 ngày là đã có thù lao 5 triệu đồng rồi*" (PVS, Nữ, sinh năm 1976).

4. Một số giải pháp và kết luận

Vấn đề khai thác giá trị văn hoá truyền thống để phục vụ du lịch vùng Công viên địa chất Non nước Cao Bằng là một cơ hội lớn để các nghề thủ công truyền thống được bảo tồn và phát huy. Tuy nhiên, có không ít thách thức về nguồn nhân lực mà các nghề thủ công này đang phải đối mặt, đó là: Thiếu nguồn lao động kế nghiệp giàu kinh nghiệm và tâm huyết với nghề; một số thợ thủ công yếu về năng lực sáng tạo và đổi mới công nghệ sản xuất, thiếu năng lực quản lý, kinh doanh, phục vụ du lịch; một số thợ thủ công giỏi, tâm huyết với nghề nhưng chưa được công nhận nghệ nhân, chưa được đãi ngộ thỏa đáng, do vậy chưa phát huy được hết những tài năng của họ; đội ngũ cán bộ công tác trong ngành văn hóa - du lịch của địa phương bị hạn chế về trình độ chuyên môn du lịch, gây khó khăn cho việc thực hiện các kế hoạch bảo tồn nghề thủ công gắn với phát triển du lịch.

Từ những khó khăn, thách thức đó, để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong các làng nghề thủ công truyền thống tỉnh Cao Bằng, bài viết xin gợi ý một số giải pháp sau:

Một là, tăng cường nhận thức của chính quyền các cấp và người dân địa phương về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong công tác bảo tồn và phát triển nghề thủ công. Cần nhận thức nghề thủ công truyền thống là tài nguyên quý giá của mỗi tộc người để phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Đây là nội dung quan trọng có ý nghĩa hàng đầu bảo đảm cho việc bảo tồn và phát triển nghề thủ công được diễn ra thường xuyên, có trọng tâm để đạt được mục đích, yêu cầu đề ra.

Hai là, vinh danh các nghệ nhân. Cần đổi mới tư duy trong đánh giá và đãi ngộ thợ giỏi trên cơ sở năng lực, hiệu quả công việc. Đây chính là động lực để mỗi cá nhân tại làng nghề

không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề và năng suất, hiệu quả lao động để khẳng định "chất lượng cao" của mình. Để nâng cao hơn nữa vai trò của những cá nhân ưu tú trong làng nghề đối với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, rất cần có sự vào cuộc quyết liệt hơn của các cấp, ngành trong việc đẩy nhanh tiến độ vinh danh nghệ nhân, nhất là phải xây dựng chế độ chính sách đãi ngộ cho họ. Có như vậy, các nghệ nhân mới được "tiếp sức" trên con đường bảo tồn, phát huy các giá trị di sản của dân tộc cho thế hệ mai sau. Để giúp những người thợ giỏi của làng có nghề đáp ứng đủ tiêu chí phong tặng nghệ nhân, địa phương cần tổ chức các cuộc thi sáng tác để vinh danh những sản phẩm đạt giải cao. Đồng thời quan tâm, có chính sách đào tạo nghệ nhân, thợ giỏi; tạo điều kiện cho những người thợ giỏi đi tham dự các hội chợ triển lãm trong nước để học hỏi nâng tay nghề.

Ba là, tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển làng nghề gắn với du lịch như tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về phục vụ du lịch cho cán bộ quản lý các cấp, chủ cơ sở sản xuất kinh doanh. Ưu tiên mở những lớp bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch để chính người dân làng nghề được trang bị kiến thức tiếp đón các đoàn khách du lịch. Khuyến khích, tạo điều kiện hỗ trợ cho cơ sở sản xuất tham gia hội chợ, triển lãm xúc tiến thương mại; xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm và mở rộng thị trường; xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu, bán hàng trực tuyến.

Bốn là, cần có chính sách thu hút đội ngũ cán bộ có chuyên môn sâu về du lịch về công tác tại các sở, ban ngành tại địa phương để công tác bảo tồn và phát triển nghề thủ công gắn với du lịch được triển khai một cách bài bản, hiệu quả. Trong bảo tồn và phát triển nghề thủ công gắn với du lịch, phải đặc biệt coi trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ văn hóa, du lịch có chuyên môn. Đây chính là những "đội ngũ đầu tàu", đóng vai trò quyết định đối với bảo tồn nghề thủ công từ nhận thức đến chủ trương, chính sách và hiệu quả trong triển khai thực tiễn.

Tài liệu tham khảo

1. Quốc Đạt (2019), *Du lịch Cao Bằng tăng trưởng mạnh trong năm 2019*, trên trang: https://baotintuc.vn, đăng ngày 19/12/2019 (Truy cập ngày 28/5/2021).

2. La Ngà, Kim Dung (2022), *Tổng lượt khách du lịch trong quý I/2022 bằng 83,3% so với cùng kỳ năm trước*, trên trang http://caobangtv.vn/tin-tuc-n48891/tong-luot-khach-du-lich-trong-quy-i2022-bang-833-so-voi-cung-ky-nam-truoc.html (Truy cập ngày 26/12/2022).

3. Lê Chí Thanh (2018), *Cao Bằng bốn mùa sản vật*, Ban Quản lý dự án xây dựng Ban tư vấn chính sách cấp tỉnh Cao Bằng.

4. Hoàng Thiệp (2020), "Xã Phúc Sen (Quảng Hòa, Cao Bằng): Phát triển làng nghề gắn với du lịch", *Tạp chí điện tử Thương hiệu & Công luận*, Trung ương Hiệp hội Vatap, Hà Nội.

5. Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa (2023), *Kế hoạch thực hiện chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn huyện Quảng Hòa giai đoạn 2022-2023*.